

Phụ lục IV
DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH TÀI LIỆU, MÃ ĐỊNH DANH HỒ SƠ
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ CẤP 2)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Cấp mã định danh	Mã định danh điện tử	Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh tài liệu	Mã định danh hồ sơ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I.	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ					
01	Văn phòng UBND tỉnh	Cấp 2	H48.3	VP	H48.3.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản ¹	H48.3.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ ²
02	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Cấp 2	H48.5	SDTTG	H48.5.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.5.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
03	Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	Cấp 2	H48.8	BQLKKTDQKCN	H48.8.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.8.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
04	Sở Công Thương	Cấp 2	H48.27	SCT	H48.27.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.27.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
05	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp 2	H48.28	SGDĐT	H48.28.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.28.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

¹ Ký hiệu văn bản thực hiện theo điểm b khoản 3 Mục II Phần I Phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư: Bao gồm chữ viết tắt tên loại văn bản và chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản (ví dụ: *Quyết định của Sở Nội vụ: QĐ.SNV*). Đối với công văn, ký hiệu bao gồm chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn và chữ viết tắt tên cơ quan soạn thảo hoặc lĩnh vực được giải quyết (ví dụ: *Công văn do Văn phòng Sở Nội vụ tham mưu có ký hiệu: SNV.VP*).

² Số và ký hiệu hồ sơ thực hiện theo khoản 2 Mục I Phụ lục V kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP: Số thứ tự được đánh bằng số Ả Rập và ký hiệu (bằng các chữ viết tắt) của đề mục lớn (ví dụ: *Hồ sơ của Văn phòng: 01.VP*).

06	Sở Khoa học và Công nghệ	Cấp 2	H48.31	SKHCN	H48.31.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.31.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
07	Sở Ngoại vụ	Cấp 2	H48.33	SNGV	H48.33.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.33.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
08	Sở Nội vụ	Cấp 2	H48.34	SNV	H48.34.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.34.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
09	Sở Tài chính	Cấp 2	H48.37	STC	H48.37.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.37.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
10	Sở Tư pháp	Cấp 2	H48.40	STP	H48.40.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.40.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp 2	H48.41	SVHTTDL	H48.41.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.41.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
12	Sở Xây dựng	Cấp 2	H48.42	SXD	H48.42.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.42.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
13	Sở Y tế	Cấp 2	H48.43	SYT	H48.43.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.43.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
14	Thanh tra tỉnh	Cấp 2	H48.44	TTR	H48.44.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.44.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
15	Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi	Cấp 2	H48.65	TCĐVNHQQN	H48.65.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.65.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
16	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	Cấp 2	H48.66	BQLCTDDCN	H48.66.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.66.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
17	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông	Cấp 2	H48.67	BQLCTGT	H48.67.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.67.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

18	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	Cấp 2	H48.68	TĐHPVĐ	H48.68.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.68.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
19	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi	Cấp 2	H48.91	CTKTCTTLQN	H48.91.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.91.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
20	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi	Cấp 2	H48.101	CTXSKTQN	H48.101.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.101.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
21	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cấp 2	H48.103	SNNMT	H48.103.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.103.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
22	Trung tâm Phát triển quỹ đất Quảng Ngãi	Cấp 2	H48.104	TTPTQĐ	H48.104.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.104.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
23	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi	Cấp 2	H48.105	BQLCTGTDDCN	H48.105.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.105.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
24	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi	Cấp 2	H48.106	BQLCTNNPTNT	H48.106.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.106.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
25	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Kon Tum	Cấp 2	H48.107	CTXSKTKT	H48.107.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.107.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
26	Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đắk Tô	Cấp 2	H48.108	CTLNĐT	H48.108.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.108.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
27	Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Kon Plông	Cấp 2	H48.109	CTLNKP	H48.109.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.109.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

28	Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Sa Thầy	Cấp 2	H48.110	CTLNST	H48.110.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.110.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
29	Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hồi	Cấp 2	H48.111	CTLNNH	H48.111.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.111.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
30	Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ia H'Drai	Cấp 2	H48.112	CTLNIH	H48.112.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.112.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
31	Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Đăk Glei	Cấp 2	H48.113	CTLNĐG	H48.113.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.113.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
32	Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Kon Rẫy	Cấp 2	H48.114	CTLNKR	H48.114.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.114.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
33	Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Kon Tum	Cấp 2	H48.115	CTKTCTTLKT	H48.115.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.115.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
34	Ban Quản lý vườn quốc gia Chư Mom Ray	Cấp 2	H48.118	BQLVQGCMR	H48.118.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.118.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
35	Trường Cao đẳng Kon Tum	Cấp 2	H48.119	TCĐKT	H48.119.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.119.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
36	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi	Cấp 2	H48.120	TTXTĐTMDL	H48.120.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.120.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
II.	UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU					
37	UBND Đặc khu Lý Sơn	Cấp 2	H48.201	UBND	H48.201.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.201.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
38	UBND xã Tịnh Khê	Cấp 2	H48.202	UBND	H48.202.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.202.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
39	UBND phường Trương Quang Trọng	Cấp 2	H48.203	UBND	H48.203.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.203.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

40	UBND xã An Phú	Cấp 2	H48.204	UBND	H48.204.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.204.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
41	UBND phường Cẩm Thành	Cấp 2	H48.205	UBND	H48.205.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.205.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
42	UBND phường Nghĩa Lộ	Cấp 2	H48.206	UBND	H48.206.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.206.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
43	UBND phường Trà Câu	Cấp 2	H48.207	UBND	H48.207.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.207.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
44	UBND xã Nguyễn Nghiêm	Cấp 2	H48.208	UBND	H48.208.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.208.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
45	UBND phường Đức Phổ	Cấp 2	H48.209	UBND	H48.209.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.209.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
46	UBND xã Khánh Cường	Cấp 2	H48.210	UBND	H48.210.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.210.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
47	UBND phường Sa Huỳnh	Cấp 2	H48.211	UBND	H48.211.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.211.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
48	UBND xã Bình Minh	Cấp 2	H48.212	UBND	H48.212.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.212.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
49	UBND xã Bình Chương	Cấp 2	H48.213	UBND	H48.213.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.213.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
50	UBND xã Bình Sơn	Cấp 2	H48.214	UBND	H48.214.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.214.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
51	UBND xã Vạn Tường	Cấp 2	H48.215	UBND	H48.215.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.215.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
52	UBND xã Đông Sơn	Cấp 2	H48.216	UBND	H48.216.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.216.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
53	UBND xã Trường Giang	Cấp 2	H48.217	UBND	H48.217.Năm ban hành văn bản	H48.217.Năm hình thành

					bản.Số và ký hiệu văn bản	hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
54	UBND xã Ba Gia	Cấp 2	H48.218	UBND	H48.218.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.218.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
55	UBND xã Sơn Tịnh	Cấp 2	H48.219	UBND	H48.219.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.219.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
56	UBND xã Thọ Phong	Cấp 2	H48.220	UBND	H48.220.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.220.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
57	UBND xã Tư Nghĩa	Cấp 2	H48.221	UBND	H48.221.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.221.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
58	UBND xã Vệ Giang	Cấp 2	H48.222	UBND	H48.222.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.222.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
59	UBND xã Nghĩa Giang	Cấp 2	H48.223	UBND	H48.223.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.223.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
60	UBND xã Trà Giang	Cấp 2	H48.224	UBND	H48.224.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.224.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
61	UBND xã Nghĩa Hành	Cấp 2	H48.225	UBND	H48.225.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.225.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
62	UBND xã Đình Cương	Cấp 2	H48.226	UBND	H48.226.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.226.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
63	UBND xã Thiện Tín	Cấp 2	H48.227	UBND	H48.227.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.227.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
64	UBND xã Phước Giang	Cấp 2	H48.228	UBND	H48.228.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.228.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
65	UBND xã Long Phụng	Cấp 2	H48.229	UBND	H48.229.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.229.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
66	UBND xã Mỹ Cày	Cấp 2	H48.230	UBND	H48.230.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.230.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

67	UBND xã Mộ Đức	Cấp 2	H48.231	UBND	H48.231.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.231.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
68	UBND xã Lâm Phong	Cấp 2	H48.232	UBND	H48.232.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.232.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
69	UBND xã Trà Bồng	Cấp 2	H48.233	UBND	H48.233.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.233.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
70	UBND xã Đông Trà Bồng	Cấp 2	H48.234	UBND	H48.234.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.234.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
71	UBND xã Tây Trà	Cấp 2	H48.235	UBND	H48.235.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.235.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
72	UBND xã Cà Đam	Cấp 2	H48.236	UBND	H48.236.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.236.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
73	UBND xã Thanh Bồng	Cấp 2	H48.237	UBND	H48.237.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.237.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
74	UBND xã Tây Trà Bồng	Cấp 2	H48.238	UBND	H48.238.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.238.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
75	UBND xã Sơn Hạ	Cấp 2	H48.239	UBND	H48.239.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.239.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
76	UBND xã Sơn Linh	Cấp 2	H48.240	UBND	H48.240.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.240.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
77	UBND xã Sơn Hà	Cấp 2	H48.241	UBND	H48.241.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.241.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
78	UBND xã Sơn Thủy	Cấp 2	H48.242	UBND	H48.242.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.242.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
79	UBND xã Sơn Kỳ	Cấp 2	H48.243	UBND	H48.243.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.243.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
80	UBND xã Sơn Tây	Cấp 2	H48.244	UBND	H48.244.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.244.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

81	UBND xã Sơn Tây Thượng	Cấp 2	H48.245	UBND	H48.245.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.245.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
82	UBND xã Sơn Tây Hạ	Cấp 2	H48.246	UBND	H48.246.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.246.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
83	UBND xã Minh Long	Cấp 2	H48.247	UBND	H48.247.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.247.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
84	UBND xã Sơn Mai	Cấp 2	H48.248	UBND	H48.248.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.248.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
85	UBND xã Ba Vĩ	Cấp 2	H48.249	UBND	H48.249.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.249.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
86	UBND xã Ba Tô	Cấp 2	H48.250	UBND	H48.250.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.250.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
87	UBND xã Ba Đình	Cấp 2	H48.251	UBND	H48.251.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.251.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
88	UBND xã Ba Tơ	Cấp 2	H48.252	UBND	H48.252.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.252.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
89	UBND xã Ba Vinh	Cấp 2	H48.253	UBND	H48.253.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.253.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
90	UBND xã Ba Động	Cấp 2	H48.254	UBND	H48.254.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.254.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
91	UBND xã Đặng Thùy Trâm	Cấp 2	H48.255	UBND	H48.255.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.255.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
92	UBND xã Ba Xa	Cấp 2	H48.256	UBND	H48.256.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.256.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
93	UBND phường Kon Tum	Cấp 2	H48.257	UBND	H48.257.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.257.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
94	UBND phường Đắk Cấm	Cấp 2	H48.258	UBND	H48.258.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.258.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

95	UBND phường Đắk Bla	Cấp 2	H48.259	UBND	H48.259.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.259.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
96	UBND xã Ngọc Bay	Cấp 2	H48.260	UBND	H48.260.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.260.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
97	UBND xã Ia Chim	Cấp 2	H48.261	UBND	H48.261.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.261.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
98	UBND xã Đắk Rơ Wa	Cấp 2	H48.262	UBND	H48.262.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.262.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
99	UBND xã Đắk Pxi	Cấp 2	H48.263	UBND	H48.263.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.263.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
100	UBND xã Đắk Mar	Cấp 2	H48.264	UBND	H48.264.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.264.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
101	UBND xã Đắk Ui	Cấp 2	H48.265	UBND	H48.265.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.265.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
102	UBND xã Ngọc Réo	Cấp 2	H48.266	UBND	H48.266.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.266.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
103	UBND xã Đắk Hà	Cấp 2	H48.267	UBND	H48.267.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.267.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
104	UBND xã Ngọc Tụ	Cấp 2	H48.268	UBND	H48.268.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.268.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
105	UBND xã Đắk Tô	Cấp 2	H48.269	UBND	H48.269.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.269.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
106	UBND xã Kon Đào	Cấp 2	H48.270	UBND	H48.270.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.270.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
107	UBND xã Đắk Sao	Cấp 2	H48.271	UBND	H48.271.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.271.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
108	UBND xã Đắk Tờ Kan	Cấp 2	H48.272	UBND	H48.272.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.272.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

109	UBND xã Tu Mơ Rông	Cấp 2	H48.273	UBND	H48.273.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.273.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
110	UBND xã Măng Ri	Cấp 2	H48.274	UBND	H48.274.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.274.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
111	UBND xã Bờ Y	Cấp 2	H48.275	UBND	H48.275.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.275.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
112	UBND xã Sa Loong	Cấp 2	H48.276	UBND	H48.276.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.276.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
113	UBND xã Dục Nông	Cấp 2	H48.277	UBND	H48.277.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.277.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
114	UBND xã Xốp	Cấp 2	H48.278	UBND	H48.278.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.278.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
115	UBND xã Ngọc Linh	Cấp 2	H48.279	UBND	H48.279.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.279.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
116	UBND xã Đăk Plô	Cấp 2	H48.280	UBND	H48.280.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.280.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
117	UBND xã Đăk Pék	Cấp 2	H48.281	UBND	H48.281.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.281.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
118	UBND xã Đăk Môn	Cấp 2	H48.282	UBND	H48.282.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.282.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
119	UBND xã Sa Thầy	Cấp 2	H48.283	UBND	H48.283.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.283.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
120	UBND xã Sa Bình	Cấp 2	H48.284	UBND	H48.284.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.284.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
121	UBND xã Ya Ly	Cấp 2	H48.285	UBND	H48.285.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.285.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
122	UBND xã Ia Toi	Cấp 2	H48.286	UBND	H48.286.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.286.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

123	UBND xã Đăk Kôi	Cấp 2	H48.287	UBND	H48.287.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.287.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
124	UBND xã Kon Braih	Cấp 2	H48.288	UBND	H48.288.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.288.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
125	UBND xã Đăk Rve	Cấp 2	H48.289	UBND	H48.289.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.289.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
126	UBND xã Măng Đen	Cấp 2	H48.290	UBND	H48.290.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.290.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
127	UBND xã Măng Bút	Cấp 2	H48.291	UBND	H48.291.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.291.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
128	UBND xã Kon Plông	Cấp 2	H48.292	UBND	H48.292.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.292.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
129	UBND xã Đăk Long	Cấp 2	H48.293	UBND	H48.293.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.293.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
130	UBND xã Rờ Koi	Cấp 2	H48.294	UBND	H48.294.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.294.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
131	UBND xã Mô Rai	Cấp 2	H48.295	UBND	H48.295.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.295.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
132	UBND xã Ia Dal	Cấp 2	H48.296	UBND	H48.296.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H48.296.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ